

Bản án số: 59/2022/HNGĐ-ST

Ngày 12/12/2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Văn Tuyển

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Văn Quân

2/ Bà Dương Thị Thắm

- Thư ký phiên tòa: ông Phan Thanh Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hiền - KSV.

Ngày 12 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 180/2022/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Th - sinh năm 1985

Địa chỉ: thôn Đ, xã Th, huyện Th, tỉnh Thanh Hóa.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Văn Ph - sinh năm 1983

Địa chỉ: thôn 2 ,P, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

Tại phiên tòa có mặt chị Th, anh Ph.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 11/8/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Lê Thị Th trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Trần Văn Ph kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Th, huyện Th, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 11/04/2008. Sau ngày kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian, đến cuối năm 2014 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là tính tình vợ chồng không hợp, luôn cãi nhau, bất đồng quan điểm sống, sự việc đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không được, chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ tại thôn Đ, xã Th sinh sống từ năm 2018 đến nay, kể từ đó chị và anh Ph sống ly thân, không ai quan tâm đến

ai nữa. Hiện nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên chị làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện N giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Văn Ph.

Về con: Vợ chồng có 02 con chung, là Trần Ngọc L sinh ngày 22/4/2008 và Trần Minh Đ sinh ngày 02/12/2018. Ly hôn, chị Th có nguyện vọng và đề nghị Tòa án giao cháu L, cháu Đ cho chị trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, chị yêu cầu anh Ph phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi cháu là 750.000đ/tháng, hai cháu là 1.500.000đ/tháng cho đến khi cháu L, cháu Đ trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* Ý kiến của bị đơn anh Trần Văn Ph:

Về hôn nhân: Thời gian và điều kiện kết hôn, cũng như nguyên nhân dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn như chị Th trình bày là đúng. Vợ chồng sống ly thân nhau từ tháng 12/2018 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị Th đề nghị ly hôn anh thì anh cũng đồng ý, vì anh xét thấy tình cảm vợ chồng đã hết, không hàn gắn được nữa, có sống cùng nhau cũng làm khổ cho nhau.

Về con: Vợ chồng có 02 con chung như trình bày của chị Th là đúng, khi ly hôn, anh Ph đề nghị Tòa án giao cháu Trần Minh Đ sinh ngày 02/12/2018 cho anh được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Trần Ngọc L sinh ngày 22/4/2008 cho chị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Vụ án có liên quan đến người chưa thành niên, nên Tòa án tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo quy định tại khoản 3 Điều 208 của BLTTDS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Th, cho chị Th được ly hôn anh Trần Văn Ph.

Về con: Giao cả 02 cháu Trần Ngọc L sinh ngày 22/4/2008 và Trần Minh Đ sinh ngày 02/12/2018 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Ph có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Chị Th, anh Ph phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của các đương sự, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: chị Lê Thị Th có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh Trần Văn Ph. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

[2]. Về hôn nhân: Chị Lê Thị Th và anh Trần Văn Ph kết hôn ngày 11/4/2008 trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình đồng ý, không cản trở, cưới có đăng ký kết hôn, như vậy là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, hay xảy ra cãi cọ, nên tháng 12/2018 chị đưa con về nhà mẹ đẻ tại xã Th, huyện Th, tỉnh Thanh Hóa sinh sống, vợ chồng chính thức sống ly thân từ tháng 12/2018 cho đến nay. Nay chị Th và anh Ph thấy tình cảm không còn, chị Th yêu cầu xin ly hôn, anh Ph đồng ý.

HĐXX xét thấy, cả chị Th và anh Ph đều thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn và đã có thời gian sống ly thân nhau từ tháng 12/2018 cho đến nay. Mặt khác tại biên bản xác minh ngày 16/9/2022, đại diện thôn 2 P, xã N, huyện N cho biết: anh Ph và chị Th là vợ chồng hợp pháp, cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã Th, huyện Th vào năm 2008. Sau khi kết hôn chị Th và anh Ph chung sống tại nhà anh Ph tại xã N, huyện N. Tuy nhiên đến năm 2018, chị Th cùng con về nhà mẹ đẻ tại thôn Đ, xã Th, huyện Th, tỉnh Thanh Hóa để sinh sống. Ông có nghe nói là vợ chồng chị Th, anh Ph xảy ra mâu thuẫn, nên vợ chồng sống ly thân mỗi người mỗi nơi.

Như thế, chứng tỏ cuộc hôn nhân của anh Ph, chị Th đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Th và anh Ph là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con: Chị Th và anh Ph có 02 con chung là Trần Ngọc L, sinh ngày 22/4/2008 và Trần Minh Đ, sinh ngày 02/12/2018. Chị Th đề nghị Tòa án giao cả 02 cháu Trần Ngọc L và cháu Trần Minh Đ cho chị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị yêu cầu anh Ph phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị là 750.000đ/tháng/cháu, hai cháu là 1.500.000đ/tháng, cho đến khi cháu L, cháu Đ trưởng thành đủ 18 tuổi. Còn anh Ph, nếu vợ chồng ly hôn đề nghị Tòa án giao cháu Minh Đ cho anh trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Ngọc L cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

HĐXX thấy, nguyện vọng yêu cầu cần được nuôi con của cả hai bên đương sự đều phù hợp, vì cha, mẹ đều có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên. Tuy nhiên, từ khi chị Th và anh Ph sống ly thân nhau từ tháng 12/2018 đến nay, thì cháu Ngọc L ở cùng với mẹ và cháu có nguyện vọng ở với mẹ, còn cháu Minh Đ từ khi sinh ra đến nay đều ở với chị Th tại xã Th, huyện Th. Như vậy, cả 02 cháu Ngọc L và Minh Đ được chị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Mặt khác hiện nay cháu Ngọc L đang học tại trường Trung học cơ sở xã Th, huyện Th, tỉnh Thanh Hóa. Vì vậy, cần xử giao cả

02 cháu cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật và thực tiễn.

Về mức cấp dưỡng: Chị Th yêu cầu anh Ph cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 750.000đ/tháng/cháu, cả hai cháu là 1.500.000đ/tháng, cho đến khi cháu L, cháu Đ trưởng thành đủ 18 tuổi. Xét thấy, người không trực tiếp nuôi con phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con, nên cần buộc anh Ph cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Th, mức cấp dưỡng mỗi tháng mỗi cháu là 750.000đ (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng), cả hai cháu là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng, thời gian cấp dưỡng tình từ tháng 12/2022 cho đến khi cháu L và cháu Đ thành niên là phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản: Hai bên đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, anh Trần Văn Ph phải chịu án phí DSST về việc cấp dưỡng nuôi con định kỳ, theo quy định của pháp luật.

Vì các lý lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273 BLTTDS năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a, b khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTWQH14 ngày 30/12/2016 quyết định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Th và anh Trần Văn Ph.

2. Về con: Giao 02 cháu là Trần Ngọc L sinh ngày 22/4/2008 và Trần Minh Đ sinh ngày 02/12/2018 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, anh Ph có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị Th là 750.000đ/tháng/cháu, cả hai cháu là 1.500.000đ/tháng (Một triệu năm trăm nghìn đồng), thời gian cấp dưỡng tình từ tháng 12/2022 cho đến khi cháu L và cháu Đ đủ 18 tuổi. Anh Ph có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị Th phải nộp 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí DSST về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2021/0015029 ngày 12/8/2022 của Chi cục THADS huyện Nga Sơn. Chị Th đã nộp đủ án phí DSST, anh Ph phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí DSST về cấp dưỡng nuôi con định kỳ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Nga Sơn;
- Các đương sự;
- Phòng GD- KT Tòa án tỉnh;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã Th,
huyện Th, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Văn Tuyển